

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 30/3/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Đức Mậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Ấp BH, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ 3, ấp ThA, xã BS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* NLQ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022 và bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 06/10/2020 bà T có bán thiếu cho bà Trần Thị Ngọc H số lưới đánh bắt thủy sản với số tiền là 15.655.000 đồng, để gia đình bà H đi đánh bắt thủy sản (gia đình bà H làm nghề biển) và bà H có hứa khi nào đánh bắt xong sẽ trả cho bà đủ số tiền 15.655.000 đồng, việc mua thiếu bà H có làm biên nhận nợ do bà H ký tên và viết họ tên. Bà H mua lưới thiếu từ năm 2020 cho đến nay vẫn không trả tiền cho bà, nhiều lần bà đã đến nhà bà H yêu cầu vợ chồng bà H trả nợ cho bà, nhưng bà H chỉ hứa mà không trả.

Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trần Thị Ngọc H cùng chồng là NLQ phải trả cho bà số tiền mua lưới còn thiếu là 15.655.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:

Bà H khai rằng, chồng bà NLQ, sinh năm 1988. Hiện NLQ và bà vẫn còn chung sống với nhau, các văn bản mà Tòa án tổng đạt cho NLQ, bà đều thông báo và giao lại cho NLQ, NLQ cũng biết việc bà T khởi kiện vợ chồng bà tại Tòa án. Tuy nhiên, do NLQ phải đi làm thuê kiếm tiền trả nợ, nên không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án trên theo giấy triệu tập của Tòa án được.

Về số nợ của bà T, bà H thừa nhận vào ngày 06/10/2020 bà có mua thiếu số lưới đánh bắt cá của bà Huỳnh Thị T với số tiền 15.655.000 đồng. Chữ ký tên và viết họ tên Trần Thị Ngọc H trong biên nhận nợ đúng là chữ ký, chữ viết của bà. Số lưới bà mua thiếu của bà T, thì chồng bà là NLQ cũng biết, vì việc mua lưới để NLQ đánh bắt cá, kiếm tiền nuôi sống gia đình. Do hiện nay, gia đình bà đang khó khăn, nên chưa có tiền trả nợ cho bà T. Nay theo yêu cầu của bà T, thì bà cũng đồng ý trả cho bà T số tiền 15.655.000 đồng, nhưng bà xin được trả dần, hàng tháng bà trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NLQ:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho NLQ, nhưng NLQ đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Vinh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tổ tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng bà H, NLQ vẫn vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị Ngọc H và NLQ phải trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền mua lưới còn thiếu là 15.655.000 đồng. Về lãi suất; do bà T không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX miễn xét.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Huỳnh Thị T yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Ngọc H, NLQ phải trả cho bà số tiền mua lưới còn thiếu là 15.655.000 đồng. Xét thấy, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản mà bị đơn có nơi cư trú tại ấp ThA, xã BS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị Ngọc H và NLQ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và NLQ tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:* Ngày 06/10/2020, bà Trần Thị Ngọc H có mua thiếu số lưới đánh bắt thủy sản của bà Huỳnh Thị T với số tiền là 15.655.000 đồng và hứa khi nào đánh bắt xong sẽ trả tiền cho bà T. Việc mua bán hai bên có làm biên

nhận nợ với nhau, bà H có ký tên và viết họ tên Trần Thị Ngọc H bên nợ, việc mua lưới thiếu từ năm 2020 cho đến nay bà H vẫn chưa trả tiền cho bà T. Mặc dù bà T đã đến đòi nợ nhiều lần, nhưng bà H vẫn không trả. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trần Thị Ngọc H cùng chồng là NLQ phải trả cho bà T số tiền mua lưới còn thiếu là 15.655.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án một biên nhận nợ đề ngày 06/10/2020, biên nhận có nội dung thể hiện bà H mua thiếu số lưới đánh bắt cá của bà T thành tiền là 15.655.000 đồng, phía dưới người mua thiếu còn có chữ ký, chữ viết họ tên Trần Thị Ngọc H. Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/02/2023 (Bút lục 17, 18) bà H thừa nhận, bà có mua thiếu số lưới đánh bắt cá của bà T với số tiền 15.655.000 đồng và hiện nay vẫn chưa trả cho bà T; chữ viết họ tên và ký tên Trần Thị Ngọc H phía dưới của người mua thiếu đúng là chữ ký, chữ viết của bà. Nay bà T yêu cầu bà trả số tiền trên, thì bà cũng đồng ý. HĐXX xét thấy lời khai của bà H hoàn toàn trùng khớp với lời khai của bà T tại Tòa án và biên nhận nợ mà bà T cung cấp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở. Hơn nữa, bà H cũng tự nguyện trả nợ cho bà T, HĐXX thấy rằng đây là sự tự nguyện đương sự, nên cần thiết ghi nhận. Vì vậy HĐXX thống nhất ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc trả cho bà T số tiền 15.655.000 đồng.

[4] Đối với NLQ (chồng bà H); Theo bà H trình bày thì việc mua lưới thiếu của bà T thì NLQ cũng biết, vì NLQ dùng lưới để đánh bắt cá kiếm tiền nuôi sống gia đình. Căn cứ Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX buộc NLQ phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà H trả cho bà T số tiền 15.655.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi: Do bà T không yêu cầu, nên HĐXX miễn xét.

[6] Xét yêu cầu của bà H xin được trả dần số nợ trên nhưng không được bà T đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định "...Tòa án không tự ấn định trong Bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Vì vậy, yêu cầu này của bà H là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận trong quá trình nghị án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị Ngọc H và NLQ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền 15.655.000 đồng phải trả cho bà T là 783.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T được HĐXX chấp nhận, nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với bà Trần Thị Ngọc H và NLQ.

Buộc bà Trần Thị Ngọc H và NLQ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 15.655.000 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị Ngọc H và NLQ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 783.000đ (*Bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 391.000đ (*Ba trăm chín mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008244 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/10/2022). Đối với các đương sự không có

mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- THADS huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Trịnh Thị Hồng Diệp